

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thắm

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HN ngày 24 tháng 01 năm 2022** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu D

Địa chỉ: Ấp THi, xã T, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn A

Địa chỉ: Ấp THi, xã T, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Thu D trình bày: Chị và anh Lê Văn A chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TL, thành phố C. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh A không lo làm ăn mà đam mê cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng không được. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh A nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh A có 02 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2012 và Lê Trọng N, sinh ngày 22/6/2018, hiện tại các con đang sống chung với chị. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn **anh Lê Văn A** quá trình tố tụng đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến tòa nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Thu D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn A tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Lê Văn A, hiện tại có nơi cư trú tại ấp THi, xã T, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh A chung sống với nhau từ năm 2013, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị D yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh A chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh A không chăm lo làm ăn, thường cờ bạc dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh A không đến tham dự. Chị D kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị D và anh A đã không làm được và cũng không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu D được ly hôn với anh Lê Văn A.

[2]. Về con chung: Chị D có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị D và anh A sống với nhau có 02 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2012 và Lê Trọng N, sinh ngày 22/6/2018, hiện tại đang sống chung với chị D. Anh A biết chị D yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu Lê Thị Như Y hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của các cháu và tại Tòa nêu ý kiến của cháu Y, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2012 và Lê Trọng N, sinh ngày 22/6/2018 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị Thu D phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều **27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu D được ly hôn với anh Lê Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Như Y, giới tính: Nữ, sinh ngày 19/12/2012 và Lê Trọng N, giới tính: Nam, sinh ngày 22/6/2018 cho chị Phạm Thị Thu D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn A chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Lê Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Thu D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0011517 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị D không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu D, anh Lê Văn A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn